

30 NĂM THỰC THI CÔNG ƯỚC NEWYORK NĂM 1958 VỀ CÔNG NHẬN VÀ THI HÀNH CÁC QUYẾT ĐỊNH TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM: THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Vũ Thanh Thủy*
Nguyễn Đức Việt**

Tóm tắt: Kể từ khi gia nhập Công ước New York năm 1958 vào năm 1995, Việt Nam đã từng bước nội luật hóa các quy định của Công ước vào pháp luật quốc gia, tạo nền tảng pháp lý cho việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy vẫn còn nhiều vướng mắc làm giảm hiệu quả của cơ chế này. Bài viết tập trung chỉ ra một số điểm chưa tương thích đáng lưu ý giữa pháp luật Việt Nam và Công ước; từ đó, đề xuất các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi Công ước tại Việt Nam trong giai đoạn đưa đất nước tiến vào kỷ nguyên mới.

Từ khóa: Trọng tài, Công ước New York 1958, công nhận và cho thi hành, phán quyết trọng tài nước ngoài, tư pháp quốc tế.

Abstract: Since acceding to the 1958 New York Convention in 1995, Vietnam has gradually internalized the provisions of the Convention into its national law, creating a legal foundation for the recognition and enforcement of foreign arbitral awards. However, practical experience in implementation shows that there remain problems that reduce the effectiveness of this mechanism. The article focuses on pointing out some notable incompatibilities between Vietnamese law and the Convention; from there, it proposes recommendations to improve the law and enhance the effectiveness of the Convention's implementation in Vietnam in the context of the country's deeper international integration.

Keywords: Arbitration, 1958 New York Convention; recognition and enforcement of foreign arbitral awards; private international law.

Đặt vấn đề

Việt Nam gia nhập Công ước New York năm 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài (Công ước New York 1958) từ năm 1995 –

là một trong những điều ước quốc tế đa phương về kinh doanh thương mại đầu tiên mà Việt Nam gia nhập sau Đổi mới 1986. Trong quá trình hội nhập quốc tế và cải cách tư pháp, pháp luật, phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tài đã được các cơ quan chức năng nhận định sẽ đóng một vai trò quan trọng trong đời sống kinh doanh tại Việt Nam¹. Tuy nhiên, thực tiễn

* ThS., Khoa Khoa học xã hội liên ngành - Trường Đại học Việt Nhật – Đại học quốc gia Hà Nội.

** ThS., Khoa Pháp luật quốc tế - Trường Đại học Luật Hà Nội.

Bài viết là một phần kết quả trong Dự án nghiên cứu được tài trợ bởi Cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) trong đề tài mã số VJU.JICA.25.01.

¹ Bộ Tư pháp, *Hội nghị tổng kết 20 năm thực hiện Công ước New York năm 1958 về công nhận và cho*

30 năm qua lại chỉ ra nhiều sự thực chưa được đáp ứng như kỳ vọng của Đảng và Nhà nước ta khi gia nhập Công ước New York năm 1958. Bài viết này sẽ tập trung làm rõ sự tương thích của khung pháp luật trong nước với quy định của Công ước, những vấn đề phát sinh trong thực tiễn công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; từ đó kiến nghị một số giải pháp nâng cao hiệu quả của việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, hướng tới đảm bảo sự công bằng và hiệu quả trong giải quyết các tranh chấp kinh doanh, thương mại bằng phương thức trọng tài.

1. Thực trạng khung pháp luật về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

1.1. Quá trình hoàn thiện khung pháp luật để thực thi Công ước New York năm 1958 từ khi gia nhập đến nay

Ngay sau khi gia nhập Công ước New York năm 1958, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh Công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài ngày 14/9/1995, có hiệu lực thi hành từ 1/1/1996. Pháp lệnh đã đặt ra mục tiêu tổng quát ngay từ lời mở đầu là “*góp phần mở rộng và phát triển quan hệ kinh tế với nước ngoài, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo hộ quyền, lợi ích chính đáng của các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài*”. Để thực hiện mục tiêu đó, Pháp lệnh này đã nội luật hoá các quy định của Công

ước New York năm 1958 vào pháp luật trong nước. Về cơ bản, nội dung Pháp lệnh đã phản ánh tương đối đầy đủ các quy định của Công ước New York năm 1958, về nguyên tắc công nhận, điều kiện công nhận, trình tự thủ tục công nhận, hay các trường hợp không công nhận. Tuy nhiên, trong Pháp lệnh vẫn còn một số nội dung khác biệt so với Công ước New York năm 1958 hoặc chưa rõ ràng khiến cho việc công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài cũng gặp không ít khó khăn. Ví dụ, định nghĩa về “quyết định trọng tài” theo Điều 1 có bao gồm các quyết định cho cơ quan hành chính của tổ chức trọng tài được chọn đưa ra như quy định của Công ước New York hay không? Có bao gồm các quyết định trung gian (như quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời) do Hội đồng trọng tài/hoặc Trọng tài viên đưa ra hay không? Hoặc, Pháp lệnh có quy định về trường hợp không công nhận khi “*Theo pháp luật Việt Nam, vụ tranh chấp không được giải quyết theo thể thức trọng tài*” (điểm a khoản 2 Điều 16) nhưng bản thân pháp luật Việt Nam khi đó lại chưa có quy định rõ ràng về tranh chấp nào được giải quyết theo thể thức trọng tài và tranh chấp nào thì không².

² Mặc dù Nghị định số 116/CP ngày 5/9/1994 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của trọng tài kinh tế, hay trước đó nữa là Nghị định 020-TTg ngày 14/1/1960 của Thủ tướng Chính phủ tổ chức một Hội đồng trọng tài ở các cấp trung ương, khu, thành phố, tỉnh và ở mỗi bộ chủ quản xí nghiệp; Nghị định số 59-CP ngày 30/4/1963 của Hội đồng Chính phủ ban hành bản Điều lệ tổ chức Trọng tài ngoại thương, Nghị định số 153/CP của Hội đồng Chính phủ ngày 5/10/1964 thành lập Hội đồng Trọng tài Hàng hải, đã có quy định về thẩm quyền của trọng tài kinh tế (Điều 1 Nghị định số 116/CP), thẩm quyền của trọng tài ngoại thương (Điều 2 Nghị định số 59-CP) nhưng các quy định này còn rất sơ sài, không thể hiện rõ phạm vi các tranh chấp được giải quyết bằng trọng

thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài, 21/11/2014, <https://moj.gov.vn/UserControls/News/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/qt/tintuc/Lists/HoatDongCuaLanhDaoBo&ListId=893be1dc-01e7-43b1-bafc-cb20bff88e43&SiteId=b11f9e79-d495-439f-98e6-4bd81e36adc9&ItemID=2052&SiteRootID=b71e67e4-9250-47a7-96d6-64e9cb69ccf3>, truy cập ngày 5/3/2025.

Những vướng mắc, thiếu sót đó dần được khắc phục với sự ra đời của Pháp lệnh Trọng tài thương mại năm 2003 và sau đó là Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2004, và tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện bằng Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và BLTTDS năm 2015. Khung pháp luật Việt Nam hiện hành sau 30 năm gia nhập Công ước New York năm 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài hiện nay chủ yếu được quy định trong BLTTDS năm 2015 và Luật Trọng tài thương mại năm 2010. Trong các văn bản pháp lý này, pháp luật Việt Nam tiếp tục nội luật hoá, đảm bảo sự đồng bộ của quy định pháp luật trong nước với những quy định đã được đặt ra tại Công ước New York năm 1958 về nguyên tắc công nhận³, điều kiện công nhận⁴, các căn cứ không công nhận⁵ phán quyết của trọng tài nước ngoài.

1.2. Một số nội dung khác biệt trong luật Việt Nam và Công ước New York năm 1958

Mặc dù khung pháp luật đã cơ bản hoàn thiện để thực thi Công ước New York năm 1958, tuy nhiên, vẫn còn một số quy định có nội dung khác biệt so với quy định của Công ước. Những nội dung chưa tương thích đáng kể đến là:

Vấn đề thứ nhất là về bản chất của việc công nhận. Pháp luật Việt Nam chỉ quy định việc “xem xét công nhận”⁶ chứ không phải

“sẽ công nhận” (shall recognize), và lại quy định “không công nhận”⁷ chứ không phải “có thể bị từ chối” (may be refused) như quy định tại Công ước New York năm 1958. Về ngôn ngữ pháp lý có thể thấy thuật ngữ “sẽ công nhận” mang tính nghĩa vụ cao hơn cụm từ “xem xét công nhận”, còn cụm từ “có thể bị từ chối” lại mang tính quyền tùy nghi nhiều hơn cụm từ “không công nhận”. Điều này có nghĩa là Công ước New York đặt ra việc công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài như một nghĩa vụ đương nhiên, nhưng việc không công nhận lại không phải việc tất yếu mà phụ thuộc vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Khác biệt này không chỉ dừng lại ở bản chất thái độ với việc công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài (mang tính trừu tượng) mà có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả yêu cầu công nhận của đương sự (mang tính cụ thể). Bởi lẽ, nếu theo đúng câu chữ của Công ước New York năm 1958, yêu cầu công nhận có thể không bị từ chối kể cả có liên quan đến các trường hợp tại Điều 5, còn ở Việt Nam thì chắc sẽ “không công nhận”⁸.

Vấn đề thứ hai là về phạm vi đối tượng được công nhận và cho thi hành với tư cách “phán quyết trọng tài nước ngoài”. Trước hết, thuật ngữ “trọng tài (arbitration)” theo quy định của Công ước New York năm 1958 rất rộng, không giới hạn ở “trọng tài thương mại”. Theo Điều 2 Công ước: “*Mỗi*

⁷ Khoản 1 Điều 459 BLTTDS năm 2015.

⁸ Trong thực tiễn tư pháp các nước, đã có những vụ việc trong đó phán quyết trọng tài bị hủy ở nước gốc, nhưng vẫn được công nhận và cho thi hành vì việc từ chối công nhận hay không do quyền của nước được yêu cầu. Xem thêm: Đặng Hoàng Oanh, *Công nhận và thi hành quyết định trọng tài nước ngoài đã bị hủy tại nước gốc theo Công ước New York năm 1958: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, 14/7/2008, <https://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=731>, truy cập ngày 10/03/2025.

tài, những tranh chấp không được giải quyết bằng trọng tài.

³ Điều 1 Công ước New York, điểm b khoản 1 Điều 424 BLTTDS năm 2015.

⁴ Điều 3, 4 Công ước New York năm 1958, Điều 451, 452, 453 BLTTDS năm 2015.

⁵ Điều 5 Công ước New York năm 1958, Điều 459 BLTTDS năm 2015.

⁶ Khoản 1 Điều 424 BLTTDS năm 2015.

Quốc gia thành viên sẽ công nhận một thỏa thuận bằng văn bản theo đó các bên cam kết đưa ra trọng tài xét xử mọi tranh chấp đã hoặc có thể phát sinh giữa các bên từ một quan hệ pháp lý xác định, dù là quan hệ hợp đồng hay không, liên quan đến một đối tượng có khả năng giải quyết được bằng trọng tài”. Nhưng, Việt Nam đã thực hiện tuyên bố chỉ áp dụng Công ước New York năm 1958 với những tranh chấp phát sinh từ quan hệ thương mại theo quy định của Luật Việt Nam⁹. Như vậy, có thể thấy, bản thân phạm vi phán quyết trọng tài được công nhận ở Việt Nam cũng hạn chế hơn rất nhiều so với quy định của Công ước¹⁰. Hai là, thuật ngữ “phán quyết” theo quy định của pháp luật Việt Nam cũng chỉ giới hạn ở “*phán quyết cuối cùng của Hội đồng trọng tài giải quyết toàn bộ nội dung vụ tranh chấp, chấm dứt tố tụng trọng tài và có hiệu lực thi hành*”¹¹ như đã trình bày. Điều này

có nghĩa là cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ không công nhận những quyết định trung gian trong quá trình giải quyết tranh chấp của Hội đồng trọng tài (như quyết định về thẩm quyền, quyết định giải quyết một phần vụ việc, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời) hay quyết định của tổ chức trọng tài quản lý vụ việc như Công ước New York năm 1958 đã nêu¹². Ba là,

¹² Do Công ước New York năm 1958 không đưa ra định nghĩa rõ ràng về thuật ngữ “arbitral awards” nên cũng không thể nói quy định của pháp luật Việt Nam trái với Công ước. Tuy nhiên, thực tiễn tư pháp các nước đã thừa nhận rằng do Công ước New York năm 1958 không định nghĩa rõ ràng nên cơ quan có thẩm quyền của mỗi nước có quyền quyết định xem đâu là “arbitral awards”. Và trong thực tiễn vô cùng phong phú đó, nhiều Tòa án của các nước đã công nhận cả các lệnh về thủ tục (yêu cầu 1 bên chuyên giao hồ sơ thuê cho bên kia - *Publicis Communications v. Publicis S.A., True North Communications Inc.*, Court of Appeals, Seventh Circuit, United States of America, 14 March 2000, 206 F.3d 725), quyết định về thẩm quyền của trọng tài (từ chối thẩm quyền bao gồm cả quyết định về án phí - *Austin John Montague v. Commonwealth Development Corporation*, Supreme Court of Queensland, Australia, 27 June 2000, Appeal No. 8159 of 1999, DC No. 29 of 1999, XXVI Y.B. Com. Arb. 744 (2001)), quyết định giải quyết một phần vụ việc - *Oberlandesgericht [OLG] Thüringen, Germany*, 8 August 2007, 4 Sch 03/06)... miễn là đáp ứng 3 điều kiện (1. Được đưa ra bởi trọng tài; 2. Giải quyết chung cuộc (in a final manner) vụ việc hoặc 1 phần vụ việc; 3. Có hiệu lực ràng buộc các bên) đều được coi là “arbitral awards” theo nghĩa của Công ước New York 1958. Xem thêm: UNCITRAL Secretariat, *Guide on the Convention on the Recognition and Enforcement of Foreign Arbitral Awards (New York, 1958)*, New York, 2016, p.11ff. Theo quan điểm của các tác giả, Công ước New York năm 1958 sử dụng cụm từ “arbitral awards” ở dạng số nhiều, mà định nghĩa của Việt Nam phán quyết trọng tài là “*phán quyết cuối cùng của Hội đồng trọng tài giải quyết toàn bộ nội dung vụ tranh chấp, chấm dứt tố tụng trọng tài và có hiệu lực thi hành*” có lẽ chỉ dừng lại ở một phán quyết cuối cùng cho một vụ việc nên quy định của Việt Nam cũng chưa thực sự phù hợp với tinh thần của Công ước New York.

⁹ Lưu ý rằng Công ước New York năm 1958 cho phép các quốc gia, khi gia nhập, tuyên bố chỉ áp dụng với các tranh chấp có tính thương mại và Việt Nam đã thực hiện tuyên bố đó (Tuyên bố số 2 tại <https://www.newyorkconvention.org/contracting-states>, truy cập ngày 10/6/2025) nên cũng không thể nói rằng pháp luật Việt Nam có sự vi phạm điều ước quốc tế.

¹⁰ Một điều khá mâu thuẫn trong quy định của pháp luật Việt Nam là khoản 4 Điều 33 BLTTDS năm 2015 có quy định việc Tòa án có thẩm quyền xem xét “Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết lao động của Trọng tài nước ngoài”. Nhưng tranh chấp lao động lại không nằm trong phạm vi điều chỉnh của Luật Trọng tài thương mại, cũng như được loại trừ khá rõ khỏi thẩm quyền của trọng tài thông qua Án lệ số 69/2023/AL. Do đó, khả năng tồn tại một quyết định công nhận phán quyết lao động của trọng tài nước ngoài trên cơ sở Công ước New York 1958 là điều khó xảy ra. Xem thêm: Vũ Thị Phương Lan, Nguyễn Thu Thủy, *Yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của trọng tài nước ngoài theo Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*, Tạp chí Luật học, số 2/2018, tr.50.

¹¹ Khoản 2 Điều 424 BLTTDS năm 2015.

việc sử dụng thuật ngữ “phán quyết của trọng tài nước ngoài” (award of foreign arbitration) như trong luật của Việt Nam chưa phản ánh chính xác nội hàm thuật ngữ. Vì, với định nghĩa về “trọng tài nước ngoài” và “phán quyết của trọng tài nước ngoài” như trong Luật Trọng tài thương mại năm 2010, những phán quyết do trọng tài Việt Nam tuyên ở ngoài lãnh thổ Việt Nam sẽ không cần thực hiện thủ tục công nhận và cho thi hành tại Việt Nam¹³. Điều này rõ ràng không phù hợp với quy định của Công ước New York năm 1958 vì Công ước quy định rõ đối tượng công nhận là những phán quyết trọng tài “*được tuyên ngoài lãnh thổ quốc gia nơi yêu cầu công nhận và cho thi hành*” (*made in the territory of a State other than the State where the recognition and enforcement of such awards are sought*) bất kể do Trọng tài nước ngoài hay trọng tài của nước công nhận ban hành, hoặc những phán quyết “*không được coi là phán quyết của trọng tài trong nước*” (*not considered as domestic awards*)¹⁴. Điều này có thể gây ra một số rắc rối pháp lý cho các bên như vấn đề thẩm quyền hủy phán quyết trọng tài, thủ tục thi hành phán quyết trọng tài...

Vấn đề thứ ba là căn cứ không công nhận liên quan đến luật áp dụng để xác định sự phù hợp của thủ tục trọng tài. Theo điểm d khoản 1 Điều 459 BLTTDS 2015: “*Thành*

phần của Trọng tài nước ngoài, thủ tục giải quyết tranh chấp của Trọng tài nước ngoài không phù hợp với thỏa thuận trọng tài hoặc với pháp luật của nước nơi phán quyết của Trọng tài nước ngoài đã được tuyên, nếu thỏa thuận trọng tài không quy định về các vấn đề đó” là một trong các căn cứ để từ chối công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài. Nhưng đối chiếu với quy định tương ứng tại điểm d khoản 1 Điều 5 Công ước New York năm 1958, luật áp dụng để xác định sự phù hợp của thủ tục trọng tài khi các bên không có thỏa thuận là luật của nước nơi tiến hành trọng tài (*the law of the country where the arbitration took place*). Về nguyên tắc, nơi tiến hành trọng tài và nơi tuyên phán quyết trọng tài (*the country where the award was made*) có thể là hai nơi khác nhau. Do đó, sự khác biệt này trong luật Việt Nam cũng có thể dẫn đến kết quả khác biệt trong việc xem xét đơn yêu cầu công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài mà các bên có phát sinh tranh chấp về tính hợp pháp của thủ tục trọng tài.

Qua một số quan sát trên, có thể thấy, khung pháp luật Việt Nam hiện hành về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài đã cơ bản tương thích với các quy định của Công ước New York năm 1958. Tuy vậy, vẫn còn tồn tại một số điểm khác biệt có thể dẫn đến khả năng công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sẽ bị hạn chế hơn so với các nước thành viên khác. Có những khác biệt nằm trong các tuyên bố có chủ đích của nước ta khi gia nhập Công ước, nhưng cũng có khác biệt rất khó lý giải nguyên nhân. Do đó, chúng ta vẫn cần những nghiên cứu, đánh giá đầy đủ hơn về hiệu quả của những điểm chưa tương thích giữa Công ước và pháp luật trong nước về

¹³ Lê Nguyễn Gia Thiện, “*Phán quyết trọng tài nước ngoài*” và “*Phán quyết của trọng tài nước ngoài*”: *Kinh nghiệm của Đức và gợi mở nhằm hoàn thiện pháp luật Việt Nam*, Tạp chí Tòa án nhân dân (online), 27/2/2018, <https://tapchitoaan.vn/phan-quyet-trong-tai-nuoc-ngoai-va-phan-quyet-cua-trong-tai-nuoc-ngoai-kinh-nghiem-cua-duc-va-goi-mo-nha-m-hoan-thien-phap-luat-viet-nam>, truy cập ngày 15/2/2025.

¹⁴ Khoản 1 Điều 1 Công ước New York năm 1958.

công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

2. Thực trạng thực thi việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

2.1. Tình hình công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài

Hiện nay chưa có nguồn thống kê đầy đủ về tình hình công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài trong 30 năm qua. Theo cơ sở dữ liệu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, phán quyết của trọng tài nước ngoài do Bộ Tư pháp công bố, trong khoảng thời gian từ 2012 đến 2018, có 83 vụ việc yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài đã được ghi nhận¹⁵. Một nguồn thông tin khác cho rằng từ năm 2012 - 2019, có 55 Tòa án giải quyết tổng số 84 quyết định của trọng tài nước ngoài¹⁶. Tuy nhiên, cũng có thống kê cho thấy, trong giai đoạn 2015- 2022, số lượng yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của trọng tài nước ngoài lên tới 284 vụ việc. Cụ thể là năm 2016 có 05 việc; năm 2016 có 09 việc; năm 2017 có 07 việc; năm 2018 có 20 việc; năm

2019 có 64 việc; năm 2020 có 74 việc; năm 2021 có 53 việc; năm 2022 có 52 việc¹⁷. Dù chưa thể có những thông tin đầy đủ và chính xác về tình hình công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, nhưng qua một số thống kê trên ta có thể thấy việc yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài đang ngày càng diễn ra phổ biến ở nước ta. Điều này cũng phản ánh ý nghĩa và tầm quan trọng của thiết chế công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài đối với đời sống pháp lý, kinh tế của Việt Nam.

Tuy nhiên, nghiên cứu các số liệu trên cũng chỉ ra một thực trạng rằng tỷ lệ các yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài được chấp nhận đã tăng lên nhưng nhìn chung vẫn không cao. Tại hội nghị tổng kết 20 năm thi hành Công ước New York năm 1958 đã chỉ ra trong 10 năm 2005 – 2014 có 24/52 đơn yêu cầu (chiếm gần 50%) không được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam¹⁸. Trong giai đoạn 2012 – 2018 số yêu cầu công nhận bị từ chối là 30/83 yêu cầu chiếm 36%¹⁹.

¹⁵ Cơ sở dữ liệu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, phán quyết của trọng tài nước ngoài, Xem tại: <https://moj.gov.vn/ttp/Pages/dlcn-va-th-tai-Viet-Nam.aspx>, truy cập ngày 15/2/2025.

¹⁶ Dương Thị Bích Đào, *Công ước New York năm 1958 về công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài và kinh nghiệm khi Việt Nam gia nhập, thực thi Công ước Liên Hợp quốc về thỏa thuận quốc tế giải quyết tranh chấp thông qua hòa giải*, Tạp chí Dân chủ và pháp luật (online), 29/10/2021, <https://danchuphapluat.vn/cong-uoc-ne-w-york-nam-1958-ve-cong-nhan-va-cho-thi-hanh-ph-an-quyet-trong-tai-nuoc-ngoai-va-kinh-nghiem-khi-viet-nam-gia-nhap-thuc-thi-cong-uoc-lien-hop-quoc-ve-thoa-thuan-quoc-te-giai-quyet-tranh-chap-thong-qua-hoa-giai-1047.html>, truy cập ngày 15/2/2025.

¹⁷ Đặng Thị Thom, Nguyễn Thu Thủy, *Vấn đề thực thi phán quyết của Trung tâm trọng tài thương mại quốc tế - Những vướng mắc và kiến nghị*, Tạp chí Tòa án nhân dân (online), 4/11/2022, <https://tapchi.toaan.vn/van-de-thuc-thi-phan-quyet-cua-trung-tam-trong-tai-thuong-mai-quoc-te-nhung-vuong-mac-va-kien-nghi7437.html>, truy cập ngày 15/3/2025.

¹⁸ Bộ Tư pháp, *tlđđ*, xem tại: <https://moj.gov.vn/UserControls/News/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/qt/tintuc/Lists/HoatDongCuaLanhDaoBo&ListId=893be1dc-01e7-43b1-bafc-cb20bff88e43&SiteId=b11f9e79-d495-439f-98e6-4bd81e36adc9&ItemID=2052&SiteRootID=b71e67e4-9250-47a7-96d6-64e9cb69cf3>, truy cập ngày 15/3/20125.

¹⁹ Cơ sở dữ liệu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, phán quyết của trọng tài nước ngoài, Xem tại: <https://moj.gov.vn/ttp/Pages/dlcn-va-th-tai-Viet-Nam.aspx>, truy cập ngày 15/2/2025.

Tuy vậy, số yêu cầu được công nhận cũng mới được 41/83 yêu cầu đạt 49%²⁰.

Về các căn cứ chủ yếu để Toà án từ chối công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài được chỉ ra khá đa dạng. Có vụ việc yêu cầu công nhận không đáp ứng các điều kiện về hình thức để được công nhận và cho thi hành như giấy tờ, tài liệu gửi kèm theo đơn không hợp lệ²¹, có nguyên nhân do các bên thoả thuận chọn một tổ chức trọng tài đã không còn tồn tại²², có nguyên nhân do các bên không đủ năng lực ký kết thoả thuận trọng tài²³... Tuy nhiên, có hai căn cứ thường xuyên xuất hiện trong các quyết định không công nhận của toà án Việt Nam đó là căn cứ về việc bên phải thi hành không được thông báo kịp thời và hợp thức theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 459²⁴, và căn cứ về việc vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 459 BLTTDS năm 2015²⁵.

Về nguyên nhân vẫn còn nhiều phán quyết của trọng tài nước ngoài không được công nhận ở Việt Nam đã có rất nhiều đánh giá được đưa ra. Nhìn chung, các đánh giá tập trung vào 2 nhóm nguyên nhân. Nhóm nguyên nhân thứ nhất là do những vấn đề xuất phát từ nội tại quy định của pháp luật chưa rõ hoặc còn mâu thuẫn dẫn đến việc diễn giải và áp dụng nghiêng về phía từ chối công nhận. Những vấn đề chủ yếu được nêu ra như vướng mắc trong xác định “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” theo điểm b khoản 2 Điều 459²⁶; vướng mắc trong xác định khái niệm “thương mại”²⁷ hay “phán quyết của trọng tài nước ngoài”²⁸ để xác định phạm vi phán quyết của trọng tài thương mại được công nhận... Nhóm nguyên nhân thứ hai do năng lực trình độ của thẩm phán, những người có liên quan đến việc công nhận và cho thi hành còn chưa đáp ứng yêu cầu, dẫn tới việc hiểu sai,

²⁰ Còn lại là các vụ việc bị đình chỉ giải quyết. Xem tại: Cơ sở dữ liệu công nhận và cho thi hành bản án, quyết định dân sự của toà án nước ngoài, phán quyết của trọng tài nước ngoài, Xem tại: <https://moj.gov.vn/ttp/Pages/dlcn-va-th-tai-Viet-Nam.aspx>, truy cập ngày 15/2/2025.

²¹ Quyết định giám đốc thẩm số 06/2021/KDTM-GĐT ngày 15/7/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

²² Quyết định giám đốc thẩm số 06/2021/KDTM-GĐT ngày 15/7/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

²³ Quyết định giám đốc thẩm số 14/2021/KDTM-GĐT ngày 21/9/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

²⁴ Ví dụ: Quyết định giám đốc thẩm số 05/2022/KDTM-GĐT ngày 29/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Quyết định phúc thẩm số 39/2021/QĐ-PT ngày 27/5/2021 của TAND TP Hồ Chí Minh...

²⁵ Ví dụ: Quyết định giám đốc thẩm số 05/2022/KDTM-GĐT ngày 29/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Bản án số 09

/2023/HS-PT ngày 17/01/2023 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội...

²⁶ Đặng Thị Thơm, Nguyễn Thu Thủy, *tlđđ*; Đặng Hoàng Oanh, *Những vấn đề tồn tại trong pháp luật và thực tiễn công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của trọng tài nước ngoài: Thử nhìn từ vụ việc TYCO*, 18/11/2008, <https://www.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/thong-tin-khac.aspx?ItemID=919>, truy cập ngày 15/2/2025; Nguyễn Hải An, *Lý do Tòa án Việt Nam không công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài*, Tạp chí Tòa án nhân dân (online), 11/8/2023, <https://tapchitoaan.vn/ly-do-toa-an-viet-nam-khong-cong-nhan-phan-quyet-cua-%C2%A0tro-ng-tai-nuoc-ngoai9071.html#:~:text=Các%20căn%20cứ%20từ%20chối,phán%20quyết%20đó%5B85D>, truy cập ngày 15/2/2025.

²⁷ Đặng Hoàng Oanh, *tlđđ*.

²⁸ Bùi Lê Hiếu, Phạm Quỳnh Như, *Hoàn thiện pháp luật về công nhận và thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam*, Tạp chí Luật sư Việt Nam (online), 5/11/2023, <https://lsvn.vn/hoan-thien-phap-luat-ve-cong-nhan-va-thi-hanh-phan-quyet-trong-tai-nuoc-ngoai-tai-viet-nam-1699123982-a137229.html>, truy cập ngày 15/2/2025.

áp dụng sai các căn cứ công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài²⁹.

2.2. Những vướng mắc trong thực tiễn công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam

Như đã chỉ ra, có nhiều nguyên nhân dẫn tới thực tế công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài chưa được phổ biến ở Việt Nam. Sau đây, bài viết tập trung phân tích 2 vướng mắc rất quan trọng có liên quan đến nội tại các quy định của pháp luật hiện hành ảnh hưởng đến hiệu quả công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.

Một là, vướng mắc trong xác định “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam” theo điểm b khoản 2 Điều 459 BLTTDS, hay trật tự công (public policy) theo điểm b khoản 2 Điều 5 Công ước New York năm 1958. Đây là vướng mắc được chỉ ra ở hầu hết các nghiên cứu pháp lý về công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài bởi sự không rõ ràng trong tiêu chí xác định nguyên tắc cơ bản dẫn đến sự tùy tiện trong áp dụng tại không ít toà án. Ví dụ, trong vụ việc giữa Công ty cổ phần Gang thép Thái Nguyên (TISCO) và Asia Global Commodities PTE (AGC – Công ty Singapore), Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã không chỉ dựa vào Điều 6 (Nguyên tắc thiện chí, trung thực), Điều 9 (Nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ quyền dân sự), Điều 13 (Căn cứ xác lập quyền, nghĩa vụ dân sự) của Bộ luật Dân sự năm 2005, mà còn dựa cả vào Điều 307 (Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng) Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 59 (Nguyên tắc bồi

thường thiệt hại) của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hoá năm 2007 để cho rằng phán quyết của trọng tài nước ngoài vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam³⁰. Trong vụ việc giữa Strategic Think Tank, LLC (Hoa Kỳ) và 260 Architects (Hàn Quốc) với Công ty SUDICO (Việt Nam), Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã dựa trên Điều 139 (Đại diện) Bộ luật Dân sự năm 2005 để cho rằng việc Strategic Think Tank, LLC uỷ quyền cho Công ty 260 Architects là không phù hợp với pháp luật Việt Nam (chỉ cho phép uỷ quyền cho cá nhân); và dựa trên Điều 107 (Hợp đồng trong hoạt động xây dựng) của Luật Xây dựng, Điều 404 (Thời điểm giao kết hợp đồng dân sự), Điều 405 (Hiệu lực của hợp đồng dân sự) của Bộ luật Dân sự năm 2005 để cho rằng Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, thiết kế của các bên là vô hiệu, và theo điểm b khoản 2 Điều 370 BLTTDS là trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam nên đã không công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài³¹. Cách hiểu và diễn giải như một số ví dụ đã nêu có thể biến mọi khác biệt đơn thuần trong quy định của pháp luật Việt Nam với quy định của pháp luật nước ngoài trở thành vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam, từ đó triệt tiêu hiệu lực và hiệu quả của phán quyết trọng tài nước ngoài.

Hai là, vướng mắc trong việc xác định tranh chấp được giải quyết theo thể thức trọng tài hay không theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 459 BLTTDS năm 2015 và điểm a khoản 2 Điều 5 Công ước New York năm 1958. So với vướng mắc ở trên, vướng mắc này ít được đề cập hơn do ít có bản án,

²⁹ Bùi Thị Huyền (chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*, Nxb. Lao động, 2016, tr.568; Đặng Hoàng Oanh, *tlđđ*; Dương Thị Bích Đào, *tlđđ*.

³⁰ Quyết định số 06/2014/QĐ-PQTT ngày 29/8/2014 của Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội.

³¹ Quyết định số 08/2014/VKDTM-ST ngày 26/9/2014 của Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội.

quyết định thực tế sử dụng căn cứ này để từ chối công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài³². Nhưng, qua một số vụ việc thực tế, nhóm tác giả cho rằng căn cứ này có thể trở thành trở lực rất lớn cho việc công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài ở Việt Nam. Công ước New York năm 1958 cũng như quy định của BLTTDS của Việt Nam đã nêu rõ căn cứ để xác định khả năng giải quyết bằng trọng tài với yêu cầu công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài tại Việt Nam là theo pháp luật Việt Nam. Theo pháp luật Việt Nam hiện hành, có 2 vấn đề hết sức phải lưu ý khi xem xét thẩm quyền theo vụ việc của trọng tài: Thứ nhất là quy định tại Điều 2 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 giới hạn phạm vi giải quyết bằng trọng tài thương mại chỉ với các tranh chấp liên quan đến hoạt động thương mại hoặc ít nhất một bên có hoạt động thương mại. Như vậy, về nguyên tắc các tranh chấp phi thương mại không được giải quyết bằng trọng tài. Tuy nhiên, việc xác định tranh chấp nào là hoạt động thương mại cũng không hẳn là việc dễ dàng. Ví dụ, án lệ số 69/2023/AL đã phải giải quyết một vấn đề phức tạp là khả năng giải quyết bằng trọng tài với tranh chấp liên quan đến thoả thuận bảo mật và không cạnh tranh trong hợp đồng lao động. Mặc dù án lệ khẳng định thoả thuận này là độc lập với hợp đồng lao động và được giải quyết bằng trọng tài, nhưng vẫn có ý kiến cho rằng cách giải thích này của Toà án nhân dân tối cao là không phù hợp với pháp luật hiện hành³³.

Ngay cả khi xác định được tranh chấp có tính chất thương mại, vấn đề thứ hai cần

lưu ý là thẩm quyền riêng biệt của Toà án Việt Nam. Hiện nay, Điều 470 BLTTDS năm 2015 quy định về các vụ việc thuộc thẩm quyền riêng biệt của Toà án Việt Nam, trong đó điểm a khoản 1 Điều 470 là đáng lưu ý nhất. Theo đó, “*vụ án dân sự đó có liên quan đến quyền đối với tài sản là bất động sản có trên lãnh thổ Việt Nam*”. Đây chính là căn cứ mà Quyết định số 33/2016/QĐPT-KDPTM ngày 8/8/2016 của Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh, và *Bản án số 09/2023/HS-PT* ngày 17/01/2023 của Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã căn cứ để từ chối công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài. Quyết định số 33/2016/QĐPT-KDPTM ngày 8/8/2016 của Toà án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh liên quan đến việc xét đơn yêu cầu công nhận phán quyết của Trung tâm trọng tài Singapore liên quan đến tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp, trong đó vốn góp được xác định là quyền sử dụng đất. Toà án đã căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 470 để xác định tranh chấp thuộc thẩm quyền riêng biệt của Toà án Việt Nam, không thuộc thẩm quyền của trọng tài Singapore³⁴. Rõ ràng, đây là tranh chấp về chuyển nhượng phần vốn góp chứ không phải tranh chấp trực tiếp về quyền đối với bất động sản trên lãnh thổ Việt Nam, nhưng toà án đã hiểu đây cũng là một dạng “*có liên quan đến quyền đối với tài sản là bất động sản có trên lãnh thổ Việt Nam*”. Việc diễn giải thuật ngữ “*có liên quan*” là điều hết sức quan trọng ở đây và xu hướng của Toà án Việt Nam là hiểu cụm từ này rất rộng, không chỉ giới hạn ở những quan hệ pháp luật có đối tượng trực tiếp là bất động sản. Điều này được thể hiện rõ hơn trong *Bản án số 09/2023/HS-PT* ngày 17/01/2023 của Toà án nhân dân cấp cao tại

³² Đỗ Văn Đại, *Pháp luật trọng tài thương mại Việt Nam - Bản án và bình luận bản án* (Tập 2), Nxb. Hồng Đức, 2023, tr.736.

³³ CNC Counsel, *Bình luận án lệ số 69/2023/AL*, 16/3/2024, <https://cncounsel.com/an-le/binh-luan-an-le-so-69-2023-al>, truy cập ngày 15/2/2025.

³⁴ Xem thêm: Đỗ Văn Đại, *sdd*, tr.731.

Hà Nội. Vụ việc này cũng liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty VMG trong EPAY sang cho 2 công ty Hàn Quốc và có thoả thuận giải quyết tranh chấp tại Trọng tài quốc tế Singapore. Khi 2 công ty Hàn Quốc thắng kiện và yêu cầu toà án Việt Nam công nhận phán quyết của trọng tài Singapore thì TAND thành phố Hà Nội và TAND cấp cao tại Hà Nội đều từ chối công nhận với một trong các lý do là: “*Xét thấy nếu cho công nhận và cho thi hành tại Việt Nam phán quyết của Trọng tài nước ngoài theo yêu cầu của GPS và UTC thì được hiểu là trong quá trình thi hành phán quyết của trọng tài sẽ phải thi hành các tài sản là động sản và bất động sản của VMG tại Việt Nam và theo Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự quy định về “Thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam” thì chỉ có Tòa án Việt Nam mới có thẩm quyền giải quyết việc liên quan đến quyền đối với tài sản là bất động sản có trên lãnh thổ Việt Nam*”³⁵. Việc Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội diễn giải sự “có liên quan” mở rộng đến cả việc thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài thật sự gây ra nhiều kinh ngạc cho giới đầu tư nước ngoài³⁶. Với những tranh chấp có giá trị lớn có lẽ hầu hết mọi trường hợp buộc phải yêu cầu toà án công nhận và cho thi hành thì đều có khả năng phải thi hành với cả tài sản là bất động sản. Do đó, nếu cách diễn giải này tiếp tục được áp dụng trong các vụ án khác thì hiệu quả của phương thức trọng tài có lẽ sẽ bị triệt tiêu và ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường đầu tư của Việt Nam.

³⁵ Bản án số 09/2023/HS-PT ngày 17/01/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

³⁶ Nguyen Quang Vu, *Vietnam High Court refused to recognise and enforce a SIAC award in one of the first reported cross-border M&A disputes in Vietnam*, Lexology, May 28, 2023.

3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi Công ước New York 1958 tại Việt Nam

Hiện nay, đã có rất nhiều kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực thi Công ước New York năm 1958 tại Việt Nam với đầy đủ các khía cạnh từ việc hoàn thiện quy định pháp luật đến việc xây dựng cầm nang, nâng cao nhận thức, kỹ năng cho cán bộ, thẩm phán trực tiếp giải quyết yêu cầu³⁷. Trong phạm vi những nội dung chưa tương thích trong quy định của pháp luật và hai vấn đề vướng mắc trong thực tiễn đã phân tích ở trên, bài viết này xin kiến nghị ba nội dung tương ứng như sau:

Một là, cần có nghiên cứu thêm để tiếp tục sửa đổi pháp luật trong nước theo hướng tiệm cận với quy định chung của Công ước New York 1958. Thứ nhất là về tư duy pháp lý trong công nhận và cho thi hành cần mạnh mẽ hơn nữa vào nghĩa vụ công nhận nhưng có sự linh hoạt hơn trong việc từ chối yêu cầu công nhận phán quyết của trọng tài nước ngoài. Thứ hai là cần mở rộng phạm vi “phán quyết trọng tài nước ngoài” là đối tượng của việc công nhận không chỉ dừng ở lĩnh vực “thương mại” hay phán quyết cuối cùng. Thứ ba là điều chỉnh luật áp dụng tại điểm đ khoản 1 điều 459 thành luật nước nơi tiến hành trọng tài cho phù hợp với quy định của công ước cũng như lý luận về luật áp dụng trong trọng tài thương mại. Để thực hiện được các kiến nghị này có lẽ cần có thêm các nghiên cứu chuyên sâu. Trong phạm vi bài viết đã chỉ ra những khác biệt trong pháp luật Việt Nam đang làm hạn chế khả năng công nhận và cho thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Do đó, dưới góc độ nâng cao hiệu quả thực thi Công ước

³⁷ Đặng Thị Thom, Nguyễn Thu Thủy, *tlđđ*; Nguyễn Hải An, *tlđđ*; Bùi Lê Hiếu, Phạm Quỳnh Như, *tlđđ*; Dương Thị Bích Đào, *tlđđ*.

New York năm 1958 tại Việt Nam, những sửa đổi nêu trên là điều cần thiết.

Hai là, cần có hướng dẫn rõ hơn về tiêu chí xác định “nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam”. Về nội dung này, nhóm tác giả đã có nghiên cứu cụ thể riêng đề xuất cần giới hạn rõ phạm vi của trật tự công chỉ dừng lại ở những nguyên tắc, giá trị pháp lý cơ bản, có tính bao trùm đối với việc xây dựng và thực thi của hệ thống pháp luật Việt Nam, mà nếu chúng bị vi phạm thì trật tự của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa sẽ bị phá vỡ. Tức là cơ quan giải quyết tranh chấp không nên quá sa đà vào những quy định chi tiết, vụn vặt thể hiện sự khác biệt giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật nước ngoài. Ngoài ra, cơ quan có thẩm quyền ban hành tiêu chí hướng dẫn cũng có ý thức phân biệt giữa trật tự công về nội dung, trật tự công về hình thức, và tránh rơi vào trường hợp xét lại nội dung phán quyết của trọng tài nước ngoài (*révision au fond*); và cần xác định rõ điều kiện áp dụng bảo lưu trật tự công bao gồm 2 yếu tố cần và đủ là tính xâm phạm trật tự công và tính liên quan đến nước sở tại³⁸.

Ba là, cần có diễn giải hợp lý về thẩm quyền riêng biệt của Toà án Việt Nam, đặc biệt là tính “*có liên quan*” đến quyền đối với tài sản là bất động sản trên lãnh thổ Việt Nam. Mục đích của việc đặt ra thẩm quyền riêng biệt đối với những tranh chấp có liên quan đến quyền đối với tài sản là bất động sản một mặt đảm bảo tính hiệu quả và khả thi trong thủ tục tố tụng (từ việc thu thập chứng cứ, xác minh tài sản đến khả năng thi hành bản án), mặt khác cũng đảm bảo an ninh an toàn trong những trường hợp nhạy cảm liên quan đến chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Việc đặt ra quy định về thẩm quyền

riêng biệt trong những trường hợp này là hợp lý. Nhưng, cũng không thể chấp nhận mọi sự liên quan, dù rất mờ nhạt, hoặc rất gián tiếp để khẳng khẳng định thẩm quyền riêng biệt của Toà án Việt Nam mà triệt tiêu đi hiệu quả của thiết chế trọng tài - một thiết chế rất được ưa chuộng trong hoạt động kinh doanh, đầu tư quốc tế. Thiết nghĩ chúng ta chỉ nên giới hạn những vụ việc liên quan đến bất động sản thuộc thẩm quyền riêng biệt của Toà án Việt Nam khi đáp ứng hai điều kiện: (i) Vụ việc có đối tượng trực tiếp là quyền đối với tài sản là bất động sản trên lãnh thổ Việt Nam; (ii) Toà án Việt Nam giải quyết sẽ đảm bảo tốt nhất hiệu quả về mặt tố tụng và an ninh về mặt chủ quyền lãnh thổ. Như vậy, mục đích của thiết chế thẩm quyền riêng biệt của toà án vẫn đạt được, mà hiệu quả của cơ chế trọng tài thương mại quốc tế vẫn sẽ được phát huy.

Kết luận

Sau 30 năm thực thi Công ước New York năm 1958, Việt Nam đã đạt được những bước tiến đáng ghi nhận trong việc nội luật hóa các quy định quốc tế về công nhận và thi hành phán quyết của trọng tài nước ngoài. Hệ thống pháp luật hiện hành, đặc biệt là Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và BLTTDS năm 2015, đã cơ bản tương thích với tinh thần của Công ước. Tuy nhiên, vẫn còn một số nội dung chưa tương thích hoặc diễn giải chưa thống nhất giữa các cấp Tòa án, dẫn tới tỷ lệ từ chối công nhận phán quyết trọng tài nước ngoài vẫn còn ở mức đáng lưu ý. Để cải thiện hiệu quả thực thi Công ước New York tại Việt Nam, cần tiếp tục hoàn thiện pháp luật nội địa theo hướng nhất quán hơn với thông lệ quốc tế, đặc biệt là việc mở rộng phạm vi công nhận, hạn chế cách diễn giải quá rộng về vấn đề vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam hay thẩm quyền riêng biệt của toà án Việt Nam.

³⁸ Chi tiết xem tại: Nguyễn Đức Việt, *Trật tự công trong tư pháp quốc tế Việt Nam*, Tạp chí Luật học, số 11/2023, tr.117-132.